TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 10/2018/QĐST - HNGĐ	*Đô Lương, ngày 22 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 01/2018/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đ- ơng sự:

+. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Xóm Kỳ, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

+. Bị đơn: Anh Trần Văn A, sinh năm 1979

Địa chỉ: Xóm 09, xã Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị: Trần Thị H, sinh năm 1981
- Anh: Trần Văn A, sinh năm 1979

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn A thỏa thuận ly hôn nhau.
- Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn A có 02 con chung là các cháu Trần Phúc N, sinh ngày 21/8/2006 và cháu Trần Thị Thủy B sinh ngày 17/6/2012.

Chị Trần Thị H và anh Trần Văn A thỏa thuận: Chị H Mlà ng- ời trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con là Trần Phúc N và Trần Thị Thủy B. Anh A có nghĩa vụ cấp d- ỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/01 tháng/01 cháu cho đến khi các con đủ 18 tuổi tr- ởng thành. Thời điểm cấp d- ỡng tính từ ngày 01/01/2018.

Anh Trần Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn A thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ: Chị Trần Thị Hải và anh Trần Văn Long thống nhất vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ. Vì vậy, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn A thỏa thuận chị H nhận trách nhiệm chịu án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ nh- ng đ- ợc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Trả lại cho chị Trần Thị H 150.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô L- ơng, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007444 ngày 02 tháng 01 năm 2018.

Anh Trần Văn A có nghĩa vụ chịu 150.000 đồng án phí cấp d- ỡng nuôi con chung

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng- ời đ- ợc thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho ng- ời đ- ợc thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 t- ơng ứng với thời gian ch- a thi hành án.

Ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận::
- VKSDND huyện Đô L- ơng;
- Chi cục THA dân sự huyện Đô L- ơng;
- UBND xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên;.
- Đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
ĐÃ KÝ

Trần Văn Khánh